

Số ~~2725~~ 2725/BC-UBND

Nam Đông Hà, ngày ~~23~~ 23 tháng ~~12~~ 12 năm 2025

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025
và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026**

Kính gửi: HĐND phường Nam Đông Hà khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026
(Báo cáo trình tại kỳ họp thứ 3)

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2025

I. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách

Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, UBND phường Nam Đông Hà được thành lập trên cơ sở sáp nhập 4 phường thuộc thành phố Đông Hà cũ gồm Phường 2, Phường 5, phường Đông Lương, phường Đông Lễ. Dự toán thu của phường Nam Đông Hà sẽ bằng dự toán thu của 4 phường trước sáp nhập, phân cấp nguồn thu phường, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu phường theo Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 được giữ nguyên như mô hình trước khi sáp nhập.

Tổng thu ngân sách ước thực hiện năm 2025 là 278,574 tỷ đồng, gồm:

1. Thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 ước thực hiện 51,1 tỷ đồng/39,44 tỷ đồng, vượt 29,56% dự toán của tỉnh và phường giao, trong đó:

- Các khoản thu 100%: 2,207 tỷ đồng

+ Thu phí, lệ phí ước thực hiện 1,028 tỷ đồng vượt 180,87% dự toán phường giao.

+ Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác ước thực hiện 25 triệu đồng đạt 50% dự toán phường giao.

+ Thu khác ước thực hiện 1,154 tỷ đồng vượt 182,15% dự toán phường giao.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%): 48,893 tỷ đồng

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp ước thực hiện 8,46 tỷ đồng vượt 24,82% dự toán phường giao, tương ứng với số vượt thu 1,682 tỷ đồng.

+ Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh ước thực hiện 0,42 tỷ đồng vượt 5,79% dự toán phường giao, tương ứng với số vượt thu 23 triệu đồng.

+ Lệ phí trước bạ ước thực hiện 8,584 tỷ đồng, vượt 72,68% dự toán phường giao, tương ứng với số vượt thu 3,613 tỷ đồng.

+ Thuế GTGT thu từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn ước thực hiện 8,306 tỷ đồng, vượt 2,96% dự toán phường giao.

+ Thuế thu nhập cá nhân ước thực hiện 22,913 tỷ đồng, vượt 25,5% dự toán phường giao, tương ứng với số vượt thu 4,656 tỷ đồng.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt ước thực hiện 0,14 tỷ đồng, đạt 96,55% dự toán phường giao.

+ Thuế Tài nguyên ước thực hiện 70 triệu đồng.

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 227,474 tỷ đồng, trong đó thu bổ sung cân đối ngân sách: 165,974 tỷ đồng; Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên: 61,5 tỷ đồng.

II. Về tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách

Dự toán chi năm 2025 của phường gồm giữ nguyên dự toán của 4 phường cũ trước sáp nhập, dự toán của 14 trường học trên địa bàn phường và phương án điều chỉnh dự toán còn lại 6 tháng cuối năm 2025 gồm lương, các khoản đóng góp theo lương của các cán bộ, công chức thành phố điều chỉnh về phường và một số nhiệm vụ dự toán còn lại của các cơ quan Đảng, đoàn thể, chính quyền cấp huyện điều chỉnh về phường. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 dự toán HĐND tỉnh và thành phố giao: 201,826 tỷ đồng, gồm chi thường xuyên: 180,267 tỷ đồng, chi dự phòng: 4,423 tỷ đồng, chi từ nguồn NS tỉnh hỗ trợ thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ: 16,024 tỷ đồng; Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 1,112 tỷ đồng.

Trên cơ sở dự toán HĐND phường thông qua, UBND phường đã ban hành Quyết định số 1159/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của UBND phường Nam Đông Hà về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị phường Nam Đông Hà, trong đó đã quyết định thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên 6 tháng cuối năm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP ngày 13/6/2025 của Chính phủ với tổng số tiền 1,183 tỷ đồng. Thực hiện điều hành chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 ước thực hiện 237,349 tỷ đồng/201,825 tỷ đồng, vượt 17,6% dự toán giao.

Chi thường xuyên ước thực hiện: 234,253 tỷ đồng/197,403 tỷ đồng, vượt 18,67%. Chi thường xuyên tăng chủ yếu gồm các khoản bổ sung kinh phí chi chế độ cán bộ, công chức nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ, kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 29/8/2025 của Chính phủ; từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu như kinh phí miễn thu dịch vụ thủy lợi, đất trồng lúa, kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối

với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, kinh phí miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững...

Chi dự phòng ước thực hiện: 3,096 tỷ đồng/4,423 tỷ đồng đạt 69,99% dự toán giao. Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, cấp phường hiện nay được giao nhiều chức năng nhiệm vụ hơn, phạm vi quản lý rộng hơn, với nhiều chức năng nhiệm vụ của cấp huyện trước đây chuyển về cấp phường. Từ khi phường Nam Đông Hà được thành lập và đi vào hoạt động có rất nhiều nhiệm vụ phải thực hiện như tổ chức Đại hội Đảng bộ phường, Đại hội Mặt trận và các đoàn thể, thực hiện các đề án của phường, các ngày lễ lớn nhưng dự toán để bố trí cho các nhiệm vụ này còn rất ít và có nhiều nhiệm vụ chưa có dự toán nên phải sử dụng nguồn dự phòng của phường.

III. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Về thực hiện dự toán thu ngân sách năm 2025

- Tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn vẫn còn có những khó khăn nhất định, nhất là dịch vụ ăn uống, karaoke, hộ kinh doanh thiếu ổn định, diện hộ nghỉ, bỏ, thay đổi địa điểm kinh doanh lớn gây khó khăn cho công tác quản lý thuế. Ngoài ra do việc sáp nhập địa bàn tỉnh, các cơ quan cấp tỉnh không còn đóng trên địa bàn, tiêu dùng khu vực công giảm nên tình hình mua bán trên địa bàn cũng có nhiều ảnh hưởng.

- Việc quản lý thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là những cá nhân có nhiều thửa đất thuộc diện phải kê khai tổng hợp nhưng không kê khai, dữ liệu cập nhật chưa chính xác ảnh hưởng đến số thuế phát sinh, dẫn đến việc phối hợp thu qua chuyển nhượng bất động sản gặp nhiều khó khăn.

- Việc quản lý thuế đối với hoạt động xây dựng nhà ở tư nhân còn nhiều vướng mắc, hiệu quả quản lý chưa cao.

- Tình hình nợ thuế ngày càng tăng, cơ quan thuế đã áp dụng nhiều biện pháp cưỡng chế thu nợ thuế nhưng hiệu quả thu nợ chưa cao.

- Việc sắp xếp lại chính quyền cấp xã, phường và cơ cấu lại các Tổ Thuế cơ sở, một số công chức chưa kịp thích ứng với nhiệm vụ mới. Công chức nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 178/NĐ-CP của Chính phủ trong khi đó khối lượng công việc lớn, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng thực hiện nhiệm vụ.

- Sau sắp xếp, một số xã/phường mới hình thành, tên gọi thay đổi, chưa đồng bộ dữ liệu hành chính giữa các ngành (Tài chính, Kho bạc, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư...), gây khó khăn trong việc đối chiếu, cập nhật thông tin người nộp thuế.

2. Về thực hiện dự toán chi ngân sách năm 2025

Năm 2025, phường không được giao dự toán chi đầu tư nên các kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng của phường chưa thể chủ động triển khai.

Sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, Phường có rất nhiều nhiệm vụ phải thực hiện như tổ chức Đại hội Đảng bộ phường, Đại hội Mặt trận và các đoàn thể, kinh phí tham gia Đại hội thể dục thể thao tỉnh, bầu cử khu phố trưởng tại các khu phố trên địa bàn Phường 5 cũ trong khi đó kinh phí quản lý hành chính chuyển về phường sau sắp xếp rất hạn chế nên chủ yếu sử dụng nguồn dự phòng để điều hành.

Phần thứ hai

XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

I. Các căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028, Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 3118 /QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giao chi tiết dự toán năm 2026 cho các cơ quan đơn vị cấp tỉnh và các xã, phường, đặc khu;

II. Dự toán thu ngân sách năm 2026

Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2026 theo hướng phân cấp tối đa nguồn thu trên địa bàn để bảo đảm nhiệm vụ chi được

giao, giao quyền chủ động cho địa phương rất lớn, hầu hết các khoản thu liên quan đến thuế, phí, lệ phí địa phương thu, địa phương được hưởng 100%. Nguồn thu dự toán 2026 tăng cao so với dự toán 2025 vì năm 2025 cấp phường chỉ được giao các khoản thu thuế từ hộ kinh doanh còn dự toán năm 2026 các khoản thu ngoài quốc doanh và các khoản thu khác từ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh do thuế cơ sở thu trên địa bàn phường ngân sách phường hưởng 100%, chỉ có khoản thu tiền thuê đất ngân sách phường hưởng 85%

Tổng thu ngân sách phường năm 2026 HĐND tỉnh giao: 537,910 tỷ đồng, trong đó phần ngân sách địa phương hưởng 362,431 tỷ đồng. Phường Nam Đông Hà phân đầu giao tăng thu tiền đầu giá quyền sử dụng đất do UBND cấp phường quyết định đầu tư, thu từ các dự án do cấp huyện cũ thực hiện (cấp tỉnh quyết định đầu tư), thu chuyển mục đích sử dụng đất và thu từ sử dụng đất còn lại 20 tỷ đồng, tăng thu từ thuế, phí, lệ phí 10 tỷ đồng. Tổng thu ngân sách phường năm 2026 HĐND phường giao: 567,910 tỷ đồng, trong đó phần ngân sách địa phương hưởng 384,431 tỷ đồng

1. Tổng thu NSNN trên địa bàn là 418,329 tỷ đồng, trong đó ngân sách phường hưởng 234,850 tỷ đồng. Thu ngân sách trên địa bàn loại trừ thu tiền sử dụng đất 176,329 tỷ đồng tăng 345,07% so với số ước thực hiện năm 2025¹, trong đó phần ngân sách địa phương hưởng 175,650 tỷ đồng, tăng 657,99% so với số ước thực hiện năm 2025² bao gồm các sắc thuế chủ yếu:

1.1. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%: 67,761 tỷ đồng.

- Thu phí, lệ phí 5,225 tỷ đồng.
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác 25 triệu đồng.
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 7,986 tỷ đồng.
- Lệ phí trước bạ 50,525 tỷ đồng.
- Thu khác 4 tỷ đồng.

1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%): 350,568 tỷ đồng, trong đó ngân sách địa phương hưởng 167,089 tỷ đồng.

- Thuế Công thương nghiệp và Dịch vụ ngoài quốc doanh: 78,072 tỷ đồng.
- Thuế thu nhập cá nhân 22,506 tỷ đồng.
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 3,461 tỷ đồng.
- Thu tiền thuê đất: 4,529 tỷ đồng, trong đó ngân sách phường hưởng 3,850 tỷ đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 242 tỷ đồng, trong đó ngân sách phường hưởng 59,2 tỷ đồng, gồm:

¹ Ước thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 là 51,1 tỷ đồng

² Ước thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 phần ngân sách địa phương hưởng là 26,695 tỷ đồng

+ Thu tiền sử dụng đất từ các dự án tạo quỹ đất do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện 172 tỷ đồng, trong đó ngân sách phường hưởng 17,2 tỷ đồng.

+ Thu tiền sử dụng đất từ đất do UBND cấp phường quyết định đầu tư, thu từ các dự án do cấp huyện cũ thực hiện (cấp tỉnh quyết định đầu tư), thu chuyển mục đích sử dụng đất và thu từ sử dụng đất còn lại: 70 tỷ đồng, trong đó ngân sách phường hưởng 42 tỷ đồng.

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 130,697 tỷ đồng, gồm.

- Bổ sung cân đối ngân sách: 34,260 tỷ đồng
- Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng: 33,040 tỷ đồng.
- Bổ sung có mục tiêu thực hiện các chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định: 63,397 tỷ đồng.

3. Thu chuyển nguồn nguồn: 18,884 tỷ đồng

III. Dự toán chi ngân sách năm 2026

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2026: 384,431 tỷ đồng

1. Chi đầu tư phát triển: 62,306 tỷ đồng

- Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước: 3,106 tỷ đồng
- Chi đầu tư từ tiền sử dụng đất: 59,200 tỷ đồng

2. Chi thường xuyên: 244,977 tỷ đồng

Dự toán chi thường xuyên giao cho các cơ quan đơn vị đã trừ tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương theo chế độ quy định, gồm những khoản chi chủ yếu sau:

2.1. Chi sự nghiệp Môi trường: 19,819 tỷ đồng. Gồm kinh phí Duy trì vệ sinh môi trường đô thị, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; kinh phí duy trì hệ thống cây xanh - Công viên; Vận hành trạm xử lý nước thải, duy trì hồ điều hoà.... Dự toán sự nghiệp môi trường định mức tính giao mặt bằng chung các xã phường toàn tỉnh đều rất thấp, phường phải chủ động điều hành từ nguồn sự nghiệp kinh tế để đảm bảo nguồn lực thực hiện công tác môi trường trên địa bàn.

2.2. Chi sự nghiệp kinh tế: 20,856 tỷ đồng. Gồm dự toán trên các lĩnh vực: Kiến thiết thị chính, kinh phí lĩnh vực này chủ yếu là tiền điện chiếu sáng và chi phí vận hành, sửa chữa điện chiếu sáng; thương mại; nông nghiệp; giao thông (sửa chữa các tuyến đường giao thông, hệ thống thoát nước trên địa bàn phường); quản lý đô thị và sự nghiệp kinh tế khác (Trong đó đã bao gồm Kinh phí lương, các khoản đóng góp, tiền thưởng theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP, định mức chi thường xuyên của cán bộ viên chức Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường); Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi.

2.3. Chi quản lý hành chính gồm chi lương và các khoản phụ cấp, định mức chi thường xuyên và chi hoạt động: 34,689 tỷ đồng.

- Kinh phí tiền lương và các khoản phụ cấp gồm lương của cán bộ, công chức phường được xây dựng trên cơ sở biên chế có mặt thực tế, hệ số lương, tăng lương thường xuyên với mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng; tiền thưởng theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP; phụ cấp người hoạt động không chuyên trách ở cấp phường tính đến tháng 5 năm 2026; Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách khu phố gồm Bí thư chi bộ, Trưởng ban công tác mặt trận, Khu phố trưởng.

- Hỗ trợ người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo Nghị quyết số 120/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) bố trí một phần, phần còn lại tỉnh bổ sung có mục tiêu đảm bảo đủ chế độ theo Nghị quyết số 120/2023/NQ-HĐND.

- Phụ cấp cấp uỷ Đảng, phụ cấp Đại biểu HĐND phường; hỗ trợ đóng BHYT Đại biểu HĐND không hưởng lương.

- Lương nhân viên Hợp đồng theo Nghị định số 111/2021/NĐ-CP.

- Ngoài quỹ lương và các khoản có tính chất lương, tiền thưởng mỗi biên chế được bố trí 18 triệu đồng/năm sau khi đã tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện CCTL.

- Kinh phí chi cho công việc gồm kinh phí gắn liền với nhiệm vụ quản lý hành chính của các cơ quan, đơn vị, bao gồm Kinh phí hoạt động công tác Đảng của tổ chức cơ sở theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng; Quyết định số 256-QĐ/TU ngày 23/8/2025 của Tỉnh uỷ Quảng Trị quy định một số chế độ chi tiêu hoạt động của các đảng uỷ xã, phường, đặc khu trực thuộc Tỉnh uỷ; Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị và các chính sách quy định chế độ chi tiêu, khen thưởng do trung ương và tỉnh ban hành; Khoản kinh phí hoạt động các tổ chức CT-XH khu phố; Kinh phí phục vụ hoạt động Ban Dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng...

- Hỗ trợ hoạt động các khu phố; Hỗ trợ kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội khu phố

2.4. Chi sự nghiệp Văn hoá – Thông tin: 0,802 tỷ đồng.

- Các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện kinh tế, chính trị, xã hội, các hoạt động văn nghệ, các hội thi...

- Hỗ trợ UBMTTQVN cấp phường, Ban công tác Mặt trận KDC thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

2.5. Chi sự nghiệp Thể dục thể thao: 0,506 tỷ đồng

Kinh phí tổ chức các giải đấu hoạt động thể dục thể thao phường và tham gia các giải thi đấu thể dục thể thao tỉnh tổ chức; Kinh phí tổ chức Đại hội thể

dục thể thao phường và tham gia Đại hội thể dục thể thao tỉnh; các hoạt động thể dục thể thao khác.

2.6. Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: 0,672 tỷ đồng

Gồm kinh phí nhuận bút, thời sự hàng ngày, mua sắm vật tư phục vụ công tác phát thanh truyền hình, hỗ trợ công tác phát thanh khác....

2.7. Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 138,183 tỷ đồng.

- Gồm tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các khoản đóng góp theo lương theo biên chế được giao tại thời điểm xây dựng dự toán, gồm cả biên chế giáo viên theo hợp đồng theo Nghị định số 111/2021/NĐ-CP. Đối với biên chế chưa tuyển, tạm tính theo mức lương bậc 1, hệ số 2,34; hệ số phụ cấp ưu đãi nghề theo quy định.

Ngoài quỹ lương và các khoản có tính chất lương, tiền thưởng mỗi biên chế và hợp đồng 111/2021/NĐ-CP được bố trí 15,3 triệu đồng/năm sau khi đã tiết kiệm 10% chi thường xuyên để thực hiện cải cách tiền lương (định mức chưa trừ tiết kiệm là 17 triệu đồng/biên chế/năm)

Ngoài ra các trường được bố trí chi đặc thù, công việc gồm kinh phí thực hiện chế độ đối với giáo viên thể dục thể thao theo quy định; chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi, hội thi, hội thao, khen thưởng, học sinh có thành tích trong các kỳ thi, các chương trình đề án của ngành,...

Các trường có điểm trường lẻ, bổ sung kinh phí hoạt động 50 triệu đồng/điểm trường lẻ/năm.

Bố trí kinh phí chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hoà nhập theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

Kinh phí khen thưởng theo Luật Thi đua khen thưởng.

Chi cho Phòng Văn hoá – Xã hội để đảm bảo hoạt động chung của ngành (Đã bao gồm hoạt động kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11, thăm Hội đồng thi THPT, thăm các trường nhân ngày khai giảng năm học mới).

2.8. Chi quốc phòng, an ninh: 1,570 tỷ đồng, trong đó chi an ninh 0,785 tỷ đồng, chi quốc phòng 0,785 tỷ đồng. Gồm các hoạt động an ninh, quốc phòng khác theo quy định. Kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ (phụ cấp + trợ cấp + ngày công huấn luyện) và kinh phí hỗ trợ lực lượng an ninh trật tự cơ sở (Phụ cấp hàng tháng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế) được tính hỗ trợ ở phần kinh phí bổ sung có mục tiêu hỗ trợ thực hiện các chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định.

2.9. Chi sự nghiệp y tế: 11,566 tỷ đồng gồm thực hiện các nhiệm vụ về y tế, phòng, chống dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm; Ban chỉ đạo công tác gia đình, kinh phí Ngày gia đình, Ngày hội gia đình tỉnh Quảng Trị...; Hỗ trợ kinh phí

hoạt động y tế, dân số và gia đình khác. Kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; học sinh, sinh viên, hộ nghèo, hộ cận nghèo...

2.10. Chi đảm bảo xã hội: 13,180 tỷ đồng

Gồm kinh phí trợ cấp cán bộ xã nghỉ việc (hưu xã); Kinh phí giám định y khoa cho các đối tượng; Kinh phí chăm sóc nghĩa trang; Kinh phí thu gom đối tượng lang thang; Chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm; Chương trình trẻ em; Cứu trợ xã hội và các hoạt động đảm bảo xã hội khác.

- Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội.

- Kinh phí trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng BTXH theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP (Bao gồm mai táng phí)

2.11. Chi sự nghiệp khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo: 0,733 tỷ đồng

2.12. Chi khác: 2,4 tỷ đồng. Chi khác được tính bằng 1% các khoản chi thường xuyên theo quy định. HĐND phường giao tăng thêm để thực hiện các nhiệm vụ kinh phí kỷ niệm các ngày lễ lớn, kinh phí tổ chức các sự kiện lớn trong năm và các nhiệm vụ khác trong năm.

3. Dự phòng ngân sách (2% trên tổng chi ngân sách): 6,181 tỷ đồng.

4. Kinh phí 70% tăng thu thực hiện CCTL, 10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện CCTL, tiết kiệm thêm 10% chi TX tăng thêm thực hiện an sinh xã hội từ dự toán tăng thêm: 7,570 tỷ đồng

5. Chi từ nguồn tỉnh hỗ trợ thực hiện các chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định: 63,397 tỷ đồng, trong đó:

- Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành: 53,303 tỷ đồng, gồm:

+ Kinh phí Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP: 2,471 tỷ đồng

+ Chính sách phát triển giáo dục mầm non. Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo: 50 triệu đồng

+ Kinh phí chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật: 52 triệu đồng

+ Kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; học sinh, sinh viên, hộ nghèo, hộ cận nghèo...: 6,347 tỷ đồng

+ Kinh phí trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng BTXH theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP, trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP (Bao gồm mai táng phí): 12,219 tỷ đồng

+ Kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện: 824 triệu đồng

+ Chính sách ưu đãi người có công: 31,34 tỷ đồng

- Kinh phí thực hiện các chính sách do địa phương ban hành: 10,094 tỷ đồng, gồm:

+ Kinh phí hỗ trợ y tế thôn bản: 348 triệu đồng

+ Kinh phí hỗ trợ người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố: 1,853 tỷ đồng

+ Chi thăm hỏi người có công, thân nhân người có công theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND: 666 triệu đồng

+ Kinh phí thực hiện Luật DQTV (phụ cấp + trợ cấp + ngày công huân luyện): 2,269 tỷ đồng

+ Hỗ trợ lực lượng an ninh trật tự cơ sở (Phụ cấp hàng tháng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế): 2,499 tỷ đồng

+ Kinh phí thực hiện Nghị quyết 35/2018/NQ-HĐND về hỗ trợ đóng BHXH, BHYT, BHTN cho hợp đồng lao động vị trí nấu ăn các trường mầm non công lập: 192 triệu đồng

+ Kinh phí trợ cấp huy hiệu đảng: 22 triệu đồng

+ Kinh phí khen thưởng huy hiệu đảng: 1,764 tỷ đồng

+ Chi thăm hỏi người nghèo theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND: 146 triệu đồng

+ Kinh phí chúc thọ, mừng thọ Người Cao tuổi: 335 triệu đồng

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

1. Về thu ngân sách

1.1. Một số nhiệm vụ, giải pháp chung:

- Xác định năm 2026 là năm đầu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2026-2030, trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng bộ phường lần thứ I, nhiệm kỳ 2026-2030 đã đề ra, cùng với kết quả thực hiện dự toán thu năm 2025, tập trung phân tích đánh giá những yếu tố chủ quan, khách quan ảnh hưởng đến nguồn thu để kịp thời chỉ đạo điều hành công tác thu ngân sách từ những tháng đầu của năm 2026, phấn đấu hoàn thành dự toán thu để đảm bảo cân đối ngân sách và ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chỉ thị số 02-CT/ĐU ngày 09/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường Nam Đông Hà. Tăng cường kỷ luật tài chính, đề cao vai trò, trách nhiệm của tập thể và cá nhân người đứng đầu trong nhiệm vụ thu ngân sách, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng, phải thực hiện đồng bộ, huy động cả hệ thống chính trị từ phường đến cơ sở.

- Xác định tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 bên cạnh những yếu tố thuận lợi, vẫn còn nhiều thách thức do tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh vẫn đang còn nhiều khó khăn, sức cạnh tranh ngày càng lớn; thị trường bất động sản tuy đã phục hồi nhưng vẫn còn chậm. Các cấp, các ngành, các cơ quan đơn vị phải chung tay, có giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh để thu hút đầu tư, nuôi dưỡng nguồn thu bền vững cho NSNN.

1.2. Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể:

1.2.1. Thuế cơ sở 2 tỉnh Quảng Trị

Xác định Thuế cơ sở 2 tỉnh Quảng Trị là lực lượng nòng cốt, cần phát huy cao độ vai trò cơ quan thường trực Ban chỉ đạo thu ngân sách phường; tích cực tham mưu và triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp thu NSNN ngay từ những ngày đầu của năm 2026, theo đó:

- Căn cứ kết quả thu ngân sách năm 2025, trên cơ sở rà soát, phân tích, đánh giá khả năng của từng khoản thu, lĩnh vực, địa bàn, để giao nhiệm vụ thu cho các Tổ Thuế, từng CBCC thuế, nhằm hoàn thành cao nhất dự toán thu năm 2026 (*giao chỉ tiêu phải có tỷ lệ cao hơn để có sự phấn đấu*); tham mưu giao dự toán nộp ngân sách cho các doanh nghiệp trên địa bàn.

- Kịp thời nắm bắt xu thế phát triển về kinh tế số, thương mại điện tử, để có các giải pháp quản lý thu hiệu quả các loại hình kinh doanh mới; khắc phục các tồn tại, hạn chế khó khăn, trong công tác thu ngân sách của năm 2025 và các năm trước (tình trạng chậm ban hành và còn sai sót trong lập bộ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp).

- Tăng cường các biện pháp tuyên truyền để phổ biến các chính thuế mới đến người nộp thuế, người dân trên địa bàn. Tích cực biểu dương, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác thu nộp thuế; có các giải pháp để động viên, nuôi dưỡng nguồn thu.

- Tiến hành rà soát, sàng lọc tình hình sử dụng hóa đơn của các doanh nghiệp, xác định các trường hợp rủi ro, có nghi vấn, thực hiện kiểm tra yêu cầu xuất hóa đơn và kê khai thuế đối với các doanh nghiệp kinh doanh thương mại có số hàng tồn kho trên sổ sách lớn, không đúng thực tế. Tập trung nguồn lực đẩy mạnh công tác kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế, đảm bảo hoàn thành kế hoạch kiểm tra doanh nghiệp; đồng thời phấn đấu tăng thu qua kiểm tra để bù đắp số một phần số hụt thu qua khai thuế của doanh nghiệp.

- Thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành để thu nợ thuế đồng thời đề xuất bổ sung nhiệm vụ kiểm tra, khảo sát doanh thu hộ có rủi ro cao về thuế để thực hiện kiểm tra chống thất thu theo kế hoạch đề ra. Kịp thời nắm bắt và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và duy trì sản xuất.

- Xây dựng kế hoạch, phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tăng cường kiểm tra giám sát hộ nghỉ, bỏ kinh doanh và xử lý nghiêm các trường hợp lợi dụng thông báo nghỉ để trốn thuế.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính thuế, tạo điều kiện thuận lợi để người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế đơn giản, nhanh, gọn. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai dịch vụ nộp thuế điện tử. Rà soát những tồn tại, vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính thuế, nhất là những thủ tục về ưu đãi thuế có liên quan đến đất đai... để phối hợp giải quyết kịp thời, nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần tăng thu ngân sách.

- Tham mưu cho Ban Chỉ đạo thu ngân sách phường trong quá trình chỉ đạo điều hành thu ngân sách để có những giải pháp chỉ đạo kịp thời, linh hoạt trong công tác thu ngân sách; thực hiện tham mưu giao ban định kỳ Ban chỉ đạo thu ngân sách phường.

1.2.2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường

Chủ động theo dõi, tham mưu UBND phường chỉ đạo thực hiện dự toán thu ngân sách đảm bảo tiến độ; theo dõi, phối hợp chặt chẽ với Thuế cơ sở 2 tỉnh Quảng Trị trong quá trình thực hiện dự toán thu ngân sách; báo cáo UBND phường xử lý kịp thời các khó khăn vướng mắc.

1.2.3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị xác định thu ngân sách là nhiệm vụ quan trọng, xuyên suốt, ưu tiên tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong giải quyết thủ tục hành chính về đất đai để tăng thu từ tiền sử dụng đất và các khoản thuế phí khác. Đẩy mạnh công tác kiểm tra thu phí, lệ phí, bảo đảm việc thu đúng quy định.

- Tăng cường công tác tuyên truyền các chính sách thuế trên địa bàn; phát huy vai trò của cấp uỷ và hệ thống chính trị đối với công tác thu ngân sách; phát huy tính chủ động của Hội đồng tư vấn thuế phường đối với công tác thu ngân sách.

1.2.4. Công an phường

Tăng cường phối hợp với Thuế Cơ sở 2 tỉnh Quảng Trị để triển khai quy chế phối hợp xử lý thu thuế đối với chủ phương tiện kinh doanh vận tải tư nhân trên địa bàn; tham gia các Đoàn Kiểm tra liên ngành để thu nợ thuế.

1.2.5. Đề nghị Kho bạc Nhà nước Khu vực VII – Phòng Giao dịch số 9

Chủ động phối hợp chặt chẽ với cơ quan trên địa bàn để hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản thu cho các cấp ngân sách.

1.2.7. Đề nghị UBNDTTQVN và các tổ chức chính trị xã hội phường phối hợp, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên mình hăng hái thi đua, lao động sản xuất, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

2. Về chi ngân sách

Quán triệt đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ trong quản lý, điều hành NSNN năm 2026 với những giải pháp sau:

- Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; đảm bảo tập trung, chống dàn trải, ưu tiên bố trí thanh toán nợ XDCB, bố trí cho các dự án đã hoàn thành và có khả năng hoàn thành sớm, các dự án xây dựng CSHT tạo nguồn thu quỹ đất; không bố trí vốn cho các dự án mới không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hoặc chưa thực sự cấp bách.

- Chủ động trong quản lý điều hành ngân sách nhà nước đảm bảo các khoản chi ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả:

- + Thực hành triệt để chính sách tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và sử dụng NSNN. Trong lĩnh vực đầu tư công, thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư để chủ động triển khai thực hiện, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả. Trong lĩnh vực chi thường xuyên, cần quán triệt yêu cầu tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sửa chữa, sử dụng tài sản công và sử dụng NSNN. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, KBNN Khu vực XII – Phòng Giao dịch số 9 và đơn vị sử dụng NSNN cần tăng cường kiểm soát các khoản chi đảm bảo theo quy định, chế độ tài chính, kế toán.

- + Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nâng cao năng lực quản lý nhà nước; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Thực hiện chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu đơn vị nếu để xảy ra vi phạm, thất thoát, lãng phí ngân sách, tài sản công. Mở rộng cơ chế xã hội hoá đối với các hoạt động sự nghiệp có thu.

- + Thực hiện chế độ công khai NSNN các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được NSNN hỗ trợ, các dự án XDCB có sử dụng ngân sách, các quỹ đóng góp của Nhân dân... để tăng cường vai trò kiểm tra, thanh tra của các cơ quan dân cử, tổ chức chính trị xã hội và nhân dân đối với những khoản thu - chi NSNN và việc huy động nguồn đóng góp của nhân dân, góp phần thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tăng cường công tác kiểm soát chi từ khâu dự toán đến kiểm soát quá trình cấp phát, giai đoạn sau khi chi (như thông qua kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo quyết toán).

- Thực hiện có hiệu quả Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý ngân sách, các chủ tài khoản và kế toán các đơn vị sử dụng ngân sách theo hướng chuyên môn hóa kỹ năng quản lý thực hiện nghiêm túc các quy trình

ng nghiệp vụ, khai thác và sử dụng thành thạo các ứng dụng tin học phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.

- Ngoài những dự án, nhiệm vụ quan trọng, kiên quyết chấm dứt việc chuyển nhiệm vụ được bố trí dự toán mà trong năm không thực hiện hết sang năm sau thực hiện.

- Tăng cường quản lý các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách.

- Kho bạc Nhà nước tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ giải ngân, thanh toán vốn theo quy định; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc chi tiêu, đảm bảo đúng chính sách, chế độ.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 và xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026. UBND phường báo cáo trình tại kỳ họp thứ 3 – Hội đồng nhân dân phường Nam Đông Hà khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét thông qua để UBND phường có cơ sở tổ chức thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Đảng ủy phường (BC);
- Thường trực HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Phòng KT, HT&ĐT;
- Thuế cơ sở 2 tỉnh Quảng Trị;
- CVP, PCP, CVVP
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thị Anh Đào

Mẫu biểu số 01

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số 2725/BC-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của UBND Phường Nam Đông Hà)

Đơn vị: Ngân đồng

Nội dung thu	Dự toán	Nội dung chi	Dự toán
Tổng số thu	384.431.000	Tổng số chi	384.431.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	67.761.000	I. Chi đầu tư phát triển	62.306.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	167.089.000	II. Chi thường xuyên	244.977.000
III. Thu bổ sung	130.697.000	III. Dự phòng	6.181.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	34.260.000	IV. Kinh phí tiết kiệm 70% tăng thu thực hiện CCTL, 10% chi thường xuyên thực hiện CCTL, tiết kiệm thêm 10% chi TX tăng thêm thực hiện an sinh xã hội từ dự toán tăng thêm.....	7.570.000
- Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng	33.040.000		
- BS có mục tiêu thực hiện các chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định	63.397.000		
IV. Thu chuyển nguồn	18.884.000	IV. Chi từ nguồn tỉnh hỗ trợ thực hiện các chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định	63.397.000

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số 47.25/BC-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của UBND Phường Nam Đồng Hà)

Đơn vị: Ngân đồng

Nội dung	Dự toán 2025		Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026 HĐND tỉnh, giao		Dự toán năm 2026 HĐND phường, giao		So sánh Ước TH 2025/ DT 2025 (%)		So sánh DT 2026 HĐND phường, giao/ Ước TH 2025 (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5	6	5	6	7=3/1	8=4/2	9=5/3	10=6/4
Tổng số thu	224.585.821	201.825.821	278.574.044	254.169.544	537.910.000	362.431.000	567.910.000	384.431.000	124,04	125,94	193,09	142,59
I. Tổng thu ngân sách trên địa bàn	39.440.000	16.680.000	51.100.000	26.695.500	388.329.000	212.850.000	418.329.000	234.850.000	129,56	160,04	759,94	797,33
1. Các khoản thu 100%	825.000	825.000	2.207.000	2.207.000	63.261.000	63.261.000	67.761.000	67.761.000	267,52	267,52	2.866,38	2.866,38
- Phí, lệ phí	366.000	366.000	1.028.000	1.028.000	5.225.000	5.225.000	5.225.000	5.225.000	280,87	280,87	508,27	508,27
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	50.000	50.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	50,00	50,00	100,00	100,00
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					6.486.000	6.486.000	7.986.000	7.986.000				
- Lệ phí trước bạ					47.525.000	47.525.000	50.525.000	50.525.000				
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định												
- Đóng góp của nhân dân, theo quy định												
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân												
- Thu khác	409.000	409.000	1.154.000	1.154.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	4.000.000	282,15	282,15	346,62	346,62
2. Các khoản thu phân chia, theo tỷ lệ phần trăm (%)	38.615.000	15.855.000	48.893.000	24.488.500	325.068.000	149.589.000	350.568.000	167.089.000	126,62	154,45	664,86	610,85
2.1. Các khoản thu phân chia	12.146.000	6.073.000	17.464.000	8.732.000	547.068.000	196.789.000	592.568.000	226.289.000	143,78	143,78	3.393,08	2.591,49
- Thuế CTN&DV ngoài quốc doanh					72.572.000	72.572.000	78.072.000	78.072.000				
- Thuế Thu nhập cá nhân					22.506.000	22.506.000	22.506.000	22.506.000				
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản					3.461.000	3.461.000	3.461.000	3.461.000				
- Thu tiền thuê đất					4.529.000	3.850.000	4.529.000	3.850.000				
- Thu tiền sử dụng đất, trong đó					222.000.000	47.200.000	242.000.000	59.200.000				

Nội dung	Dự toán 2025		Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026 HĐND tỉnh/giao		Dự toán năm 2026 HĐND phường/giao		So sánh Ước TH 2025/ DT 2025 (%)		So sánh DT 2026 HĐND phường/giao/ Ước TH 2025 (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5	6	5	6	7=3/1	8=4/2	9=5/3	10=6/4
+Thu tiền sử dụng đất từ các dự án tạo quỹ đất do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện trên địa bàn phường					172.000.000	17.200.000	172.000.000	17.200.000				
+Thu tiền sử dụng đất từ đất do UBND cấp phường quyết định đầu tư, thu từ các dự án do cấp huyện cũ thực hiện (cấp tỉnh quyết định đầu tư), thu chuyển mục đích sử dụng đất và thu từ sử dụng đất còn lại												
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.778.000	3.389.000	8.460.000	4.230.000	50.000.000	30.000.000	70.000.000	42.000.000				
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình									124,82	124,82		
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	397.000	198.500	420.000	210.000								
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	4.971.000	2.485.500	8.584.000	4.292.000					105,79	105,79	-	
2.2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	26.469.000	9.782.000	31.429.000	15.756.500					172,68	172,68	-	
- Thuế GTGT	8.067.000	4.035.000	8.306.000	4.153.000					118,74	161,08	-	
- Thuế TNCN	18.257.000	5.645.500	22.913.000	11.456.500					102,96	102,92	-	
- Thuế TĐB	145.000	101.500	140.000	98.000					125,50	202,93	-	
- Thuế Tài nguyên ..			70.000	49.000					96,55	96,55	-	
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)												
IV. Thu chuyển nguồn nguồn					18.884.000	18.884.000	18.884.000	18.884.000				
V. Thu kết dư ngân sách năm trước												
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	185.145.821	185.145.821	227.474.044	227.474.044	130.697.000	130.697.000	130.697.000	130.697.000				
+ Bổ sung cân đối ngân sách	165.974.044	165.974.044	165.974.044	165.974.044	34.260.000	34.260.000	34.260.000	34.260.000				

Nội dung	Dự toán 2025		Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026 HĐND tỉnh giao		Dự toán năm 2026 HĐND phường giao		So sánh Ước TH 2025/ DT 2025 (%)		So sánh DT 2026 HĐND phường giao/ Ước TH 2025 (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5	6	5	6	7=3/1	8=4/2	9=5/3	10=6/4
- Bổ sung thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng					33.040.000	33.040.000	33.040.000	33.040.000				
- BSCMT thực hiện các chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định	19.171.777	19.171.777	61.500.000	61.500.000	63.397.000	63.397.000	63.397.000	63.397.000				

20

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

Mẫu biểu số 03

(Kèm theo Báo cáo số 25/BC-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của UBND Phường Nam Đông Hà)

Nội dung	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			Đơn vị: Ngân đồng		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	So sánh (%)		
1	2	3	4	5	6	7	8=5/2	9=6/3	10=7/4
Tổng số chi	201.825.821	-	201.825.821	384.431.001	62.306.000	322.125.001	190,48		159,61
I. Đầu tư phát triển									
Trong đó Chi giáo dục, đào tạo				62.306.000	62.306.000				
Chi Khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo				2.515.000	2.515.000				
1. Chi đầu tư từ nguồn vốn trong nước				1.761.000	1.761.000				
2. Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				3.106.000	3.106.000				
				59.200.000	59.200.000				
II. Chi thường xuyên	180.267.227		180.267.227	244.977.000		244.977.000	135,90		135,90
1. Chi an ninh, quốc phòng	2.576.500		2.576.500	1.570.000		1.570.000	60,94		60,94
- Chi quốc phòng	1.871.700		1.871.700	785.000		785.000	41,94		41,94
- Chi an ninh	704.800		704.800	785.000		785.000	111,38		111,38
2. Chi giáo dục, đào tạo	127.858.119		127.858.119	138.183.340		138.183.340	108,08		108,08
3. Chi y tế	21.900		21.900	11.566.000		11.566.000	52.812,79		52.812,79
4. Chi văn hóa, thông tin	283.200		283.200	802.000		802.000	283,19		283,19

Nội dung	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
5. Chi phát thanh, truyền hình	-			672.000		672.000			
6. Chi thể dục, thể thao	253.200		253.200	506.000		506.000	199,84		199,84
7. Chi bảo vệ môi trường	346.708		346.708	19.819.400		19.819.400	5.716,45		5.716,45
8. Chi các hoạt động kinh tế	1.924.753		1.924.753	20.855.700		20.855.700	1.083,55		1.083,55
9. Chi sự nghiệp khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo	-		-	733.000		733.000			
10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	38.696.983		38.696.983	34.689.160		34.689.160	89,64		89,64
11. Chi đảm bảo xã hội	1.541.974		1.541.974	13.180.400		13.180.400	854,77		854,77
12. Chi khác	554.074		554.074	2.400.000		2.400.000	433,16		433,16
13. Chi cho nhiệm vụ đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên	1.685.314		1.685.314						
14. Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên cấp thành phố/cũ	4.524.502		4.524.502						
II. Dự phòng	4.423.000		4.423.000	6.181.000		6.181.000	139,75		139,75
III. Kinh phí 70% tăng thu thực hiện CCTL, 10% tiết kiệm chi thường xuyên thực hiện CCTL, tiết kiệm thêm 10% chi TX tăng thêm thực hiện an sinh xã hội từ dự toán tăng thêm				7.570.000		7.570.000			

265

Nội dung	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			So sánh (%)		
	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX	Tổng số	ĐTPT	TX
IV. Chi từ nguồn tỉnh hỗ trợ thực hiện các chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định	16.023.594		16.023.594	63.397.000		63.397.000	395,65		395,65
V. Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	1.112.000		1.112.000	-		-	0,00		0,00

26

DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ VÀ MÔI TRƯỜNG NĂM 2026(Kèm theo Báo cáo số ~~2725~~ /BC-UBND ngày ~~23~~ tháng ~~12~~ năm 2025
của UBND phường Nam Đông Hà)Đơn vị: *Ngàn đồng*

STT	Đơn vị	Dự toán 2026
1	2	3
	Tổng số	40.675.100
I	Sự nghiệp môi trường	19.819.400
1	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường	19.319.400
1.1	Duy trì vệ sinh môi trường đô thị, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn	12.953.400
1.2	Duy trì hệ thống cây xanh - Công viên	3.480.000
1.3	Vận hành nhà máy xử lý nước thải; Quan trắc môi trường Trạm xử lý nước thải; Vận hành, hiệu chuẩn, kiểm định các thống số quan trắc-tự động tại Trạm xử lý nước thải; sửa chữa các trạm bơm	2.011.500
1.4	Tiền điện, nước để vận hành trạm xử lý nước thải	420.000
1.5	Duy trì hồ điều hoà	122.500
1.6	Quan trắc môi trường cụm công nghiệp Đông Lễ	32.000
1.7	Duy trì hệ thống thoát nước	300.000
2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	500.000
2.1	Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm	250.000
2.2	Các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường, kiểm tra giám sát bảo vệ môi trường	150.000
2.3	Thu gom, vận chuyển và xử lý bao bì thuốc BVTV trên địa bàn phường Nam Đông Hà	100.000
II	Chi sự nghiệp kinh tế	20.855.700
1	Kiến thiết thị chính - Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường	9.596.000
-	Chi phí quản lý cơ sở hạ tầng đô thị, quản trang; Vận hành điện chiếu sáng, điện trang trí đô thị và đèn tín hiệu giao thông	1.106.000
-	Tiền điện chiếu sáng, điện trang trí đô thị, đèn tín hiệu giao thông, camera	7.760.000

21

STT	Đơn vị	Dự toán 2026
-	Duy trì, sửa chữa thường xuyên điện chiếu sáng đô thị, điện trang trí, đèn tín hiệu giao thông	730.000
2	Công nghiệp - TTCN - TM - DV	90.000
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị: Hỗ trợ nâng cao năng lực phát triển DN-TM (Bao gồm kinh phí ngày doanh nhân Việt Nam, thăm các Doanh nghiệp trước và sau tết Nguyên đán)	90.000
3	Nông nghiệp	225.900
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị: Trồng trọt, chăn nuôi, KT tập thể, thủy sản, lâm nghiệp, thủy lợi, chỉ đạo kỹ thuật tổng kết mô hình vụ, năm...	150.000
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị: Hỗ trợ nhân viên khuyến nông theo Nghị quyết số 62/2024/NQ-HĐND	75.900
4	Giao thông, quản lý đô thị, quy hoạch	4.283.000
4.1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	850.000
-	Sửa chữa, lắp đặt biển báo hiệu giao thông, biển tên đường, tên kiệt, thống kê số nhà 2026 và sơn vạch kẻ đường các tuyến đường trên địa bàn phường	400.000
-	Thống kê, gắn biển cây xanh đường phố năm 2026	200.000
-	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch	250.000
4.2	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường giao thông, hệ thống thoát nước trên địa bàn phường	3.433.000
5	Sự nghiệp kinh tế khác	4.043.000
5.1	Phòng Văn hoá - Xã hội	2.213.000
-	Trang trí hoa tết Bính Ngọ năm 2026	1.200.000
-	Đổi ứng Nhà bia ghi danh Liệt sĩ Phường 2	183.000
-	Duy trì hoạt động đường truyền tín hiệu camera cho hệ thống camera giám sát an ninh trật tự thuộc dự án Hạ tầng thực hiện Đề án xây dựng đô thị thông minh thành phố Đông Hà giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến năm 2030	150.000
-	Duy trì hoạt động đường truyền tín hiệu camera cho hệ thống 79 camera giám sát an ninh trật tự trên địa bàn phường được đầu tư năm 2020	280.000
-	Duy tu, bảo dưỡng hệ thống 79 camera giám sát an ninh trật tự trên địa bàn thành phố đầu tư năm 2020	100.000
-	Chỉnh lý hồ sơ, tài liệu của 4 phường cũ trước sáp nhập bàn giao	300.000

24

STT	Đơn vị	Dự toán 2026
5.2	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường: Tết trồng cây Bính Ngọ năm 2026	120.000
5.3	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	510.000
-	Số hoá dữ liệu đất đai của 4 phường cũ phục vụ công tác khai thác cơ sở dữ liệu đất đai	300.000
-	Thống kê đất đai hàng năm	100.000
-	Kiểm tra, giải quyết đơn thư, cung cấp chứng cứ tòa án, xử lý vi phạm về đất đai...	30.000
-	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao đất bổ sung, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, xác nhận lại diện tích đất ở	80.000
5.4	Văn phòng HĐND UBND phường	150.000
-	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở HĐND-UBND phường Nam Đông Hà	150.000
5.5	Xây dựng các dự án kêu gọi đầu tư, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện các đề tài, đề án, khuyến công ...	600.000
5.6	Kinh phí quyết toán công trình hoàn thành nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư	400.000
5.7	Kinh phí điều tra, thống kê phục vụ yêu cầu quản lý địa phương	50.000
6	Phòng chống dịch bệnh	100.000
7	Phòng chống lụt bão	130.000
-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	100.000
-	Phòng Văn hoá - Xã hội	30.000
8	Lương, các khoản đóng góp, định mức chi thường xuyên biên chế, nhiệm vụ khác của Trung tâm dịch vụ tổng hợp	1.964.800
-	Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp	1.515.000
-	Tiền thưởng theo Nghị định 74/2024/NĐ-CP	122.000
-	Định mức chi thường xuyên	216.000
-	Tiền điện, vận hành hệ thống điện và thuê bảo vệ cụm công nghiệp Đông Lễ	111.800
9	Kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	423.000

24

DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM 2026

Biểu mẫu số 03.2

(Kèm theo Báo cáo số 2425/BC-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của UBND phường Nam Đông Hà)

Đơn vị: Ngân đồng

TT	Đơn vị	Biên chế có mặt	Dự toán năm 2026	Trong đó			
				Chi con người	Quỹ tiền thưởng (Nghị định 73/2024/NĐ-CP)	Chi định mức	Chi đặc thù
A	B	1	2=3+4+5+6	3	4	5	6
	Tổng số		34.689.160	26.930.940	1.426.220	2.412.000	3.920.000
1	Khôi quản lý nhà nước		20.505.310	16.147.440	909.870	1.566.000	1.882.000
1	Văn phòng HĐND&UBND phường	29	9.304.740	7.044.630	306.110	522.000	1.432.000
-	Chi con người và định mức	26	5.013.490	4.268.360	277.130	468.000	
-	Chi con người và định mức (Ban chỉ huy quân sự phường)	3	504.620	421.640	28.980	54.000	
-	Lương nhân viên Hợp đồng theo Nghị định số 111/2021/NĐ-CP	3	265.150	265.150			
-	Hoạt động của HĐND		450.000				450.000
-	Hoạt động của UBND		950.000				950.000
-	Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách phường	1	19.520	19.520			
-	Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách khu phố - Khu phố trưởng	32	1.250.150	1.250.150			
-	Hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố - Khu phố phố	13	78.910	78.910			

TT	Đơn vị	Biên chế có mặt	Dự toán năm 2026	Trong đó			
				Chi con người	Quỹ tiền thưởng (Nghị định 73/2024/NĐ-CP)	Chi định mức	Chi đặc thù
-	Phụ cấp Đại biểu HĐND phường	86	724.470	724.470			
-	Hỗ trợ đóng BHYT Đại biểu HĐND không hưởng lương	13	16.430	16.430			
-	Hỗ trợ hoạt động các khu phố	32	32.000				32.000
2	Phòng Văn hóa - Xã hội	20	4.087.300	3.354.140	223.160	360.000	150.000
-	Chi con người và định mức	20	3.937.300	3.354.140	223.160	360.000	
-	Chi hoạt động		150.000				150.000
3	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị		4.897.480	4.013.870	265.610	468.000	150.000
-	Chi con người và định mức	26	4.708.440	3.974.830	265.610	468.000	
-	Chi hoạt động		150.000				150.000
-	Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách phường	2	39.040	39.040			
4	Trung tâm Phục vụ hành chính công		2.215.790	1.734.800	114.990	216.000	150.000
-	Chi con người và định mức	12	2.028.120	1.697.130	114.990	216.000	
-	Chi hoạt động		150.000				150.000
-	Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách phường	2	37.670	37.670			
II	Khối mặt trận, DT, Hội	22	5.824.980	4.476.920	214.060	396.000	738.000

TT	Đơn vị	Biên chế có mặt	Dự toán năm 2026	Trong đó			
				Chi con người	Quỹ tiền thưởng (Nghị định 73/2024/NĐ-CP)	Chi định mức	Chi đặc thù
5	Ủy ban MTTQ Việt Nam phường		5.824.980	4.476.920	214.060	396.000	738.000
-	Chi con người và định mức	22	3.944.200	3.334.140	214.060	396.000	
-	Hoạt động của UBMT và các đoàn thể		450.000				450.000
-	Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách khu phố - Trường ban công tác Mật trận	32	1.142.780	1.142.780			
-	Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội khu phố		288.000				288.000
III	Khối Đảng	25	8.008.870	6.306.580	302.290	450.000	950.000
6	Văn phòng Đảng ủy phường		8.008.870	6.306.580	302.290	450.000	950.000
-	Chi con người và định mức	25	5.473.350	4.721.060	302.290	450.000	
-	Chi hoạt động		950.000				950.000
-	Lương nhân viên Hợp đồng Nghị định số 111/2021/NĐ-CP	1	127.880	127.880			
-	Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách phường	1	20.890	20.890			
-	Phụ cấp người hoạt động không chuyên trách khu phố - Bí thư chi bộ	32	1.217.720	1.217.720			
-	Phụ cấp cấp ủy Đảng	26	219.030	219.030			
IV	Kinh phí khen thưởng		350.000	0	0	0	350.000
1	Văn phòng Đảng ủy phường		150.000				150.000
2	Phòng Văn hóa - Xã hội		200.000	0	0	0	200.000

Biểu mẫu số 03.3

DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP VĂN XÃ NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026
(Kèm theo Báo cáo số ~~212~~ 212/BC-UBND ngày ~~23~~ 23 tháng ~~12~~ 12 năm 2025 của UBND phường Nam Đông Hà)

Đơn vị: Ngân đồng

Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Biên chế kế có mặt	Dự toán năm 2026	Trong đó				
				Chi cho con người	Quỹ tiền thưởng (Nghị định 73/2024/NĐ-CP)	Chi cho công việc		
						Tổng số	Chi định mức	Chi đặc thù, công việc
A	1	2	3=4+5+6	4	5	6=7+8	7	8
Tổng số			164.909.740	109.806.150	6.265.220	48.838.370	8.460.900	40.377.470
I. Sự nghiệp Văn hóa Thông tin	0	0	802.000	0	0	802.000	0	802.000
1. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường			500.000	0	0	500.000	0	500.000
- Chi hoạt động văn hoá thông tin			500.000			500.000		500.000
2. Phòng Văn hoá - Xã hội			70.000			70.000		70.000
3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường: Hỗ trợ UBMT TQVN cấp phường, Ban công tác Mặt trận KDC thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết XD NTM, ĐTVM			180.000			180.000		180.000
4. Các hoạt động văn hoá, thông tin khác			52.000			52.000		52.000
II. Sự nghiệp Thể dục, Thể thao			506.000			506.000		506.000
1. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường			260.000	0	0	260.000	0	260.000

Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Biên chế kế có mặt	Dự toán năm 2026	Trong đó				
				Chi cho con người	Quỹ tiền thưởng (Nghị định 73/2024/NĐ-CP)	Chi cho công việc		
						Tổng số	Chi định mức	Chi đặc thù, công việc
- Kinh phí tổ chức các giải đấu hoạt động thể dục thể thao phường và Tham gia các giải thi đấu thể dục thể thao tỉnh tổ chức			260.000			260.000		260.000
2. Phòng Văn hoá - Xã hội			50.000			50.000		50.000
3. Kinh phí Đại hội thể dục thể thao			196.000			196.000		196.000
III. Sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình			672.000	0	0	672.000	0	672.000
1. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp phường			500.000			500.000		500.000
2. Các hoạt động Phát thanh - Truyền hình khác			172.000			172.000		172.000
IV. Chi sự nghiệp giáo dục	553	541	138.183.340	109.416.750	6.265.220	22.501.370	8.460.900	14.040.470
1. Chi sự nghiệp giáo dục	553	541	138.183.340	109.416.750	6.265.220	22.501.370	8.460.900	14.040.470
1.1. Các trường học trực thuộc	553	541	127.122.470	109.416.750	6.265.220	11.440.500	8.460.900	2.979.600
Trường Mầm non Ánh Hồng	20	20	4.263.070	3.646.760	209.510	406.800	306.000	100.800
Trường Mầm non Hương Sen	41	41	8.537.380	7.252.390	422.690	862.300	627.300	235.000
Trường Mầm non Sen Hồng	31	31	6.195.160	5.226.300	309.560	659.300	474.300	185.000
Trường Mầm non Hoa Hồng	19	19	3.829.750	3.249.630	188.620	391.500	290.700	100.800
Trường Mầm non Sao Mai	31	31	7.395.600	6.428.580	357.720	609.300	474.300	135.000
Trường Tiểu học Hòa Bình	30	29	6.981.000	6.000.660	330.340	650.000	459.000	191.000

202

Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Biên chế kế có mặt	Dự toán năm 2026	Trong đó				
				Chi cho con người	Quỹ tiền thưởng (Nghị định 73/2024/NĐ-CP)	Chi cho công việc		
						Tổng số	Chi định mức	Chi đặc thù, công việc
Trường Tiểu học Hàm Nghi	54	54	14.526.080	12.730.520	693.360	1.102.200	826.200	276.000
Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	37	37	10.105.940	8.839.190	477.650	789.100	566.100	223.000
Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	50	47	11.921.970	10.337.010	565.960	1.019.000	765.000	254.000
Trường Tiểu học Lê Văn Tám	23	23	5.309.220	4.511.150	255.170	542.900	351.900	191.000
Trường THCS Nguyễn Huệ	53	51	12.096.200	10.420.930	627.370	1.047.900	810.900	237.000
Trường THCS Phan Đình Phùng	71	69	15.746.010	13.542.230	815.480	1.388.300	1.086.300	302.000
Trường THCS Nguyễn Du	44	40	8.861.310	7.508.580	443.530	909.200	673.200	236.000
Trường TH và THCS Trần Đại Nghĩa	49	49	11.353.780	9.722.820	568.260	1.062.700	749.700	313.000
1.2. Phòng Văn hoá - Xã hội: Kinh phí hoạt động ngành (Đã bao gồm ngày nhà giáo Việt Nam 20-11, thăm Hội đồng thi THPT, thăm các trường nhân ngày khai giảng năm học mới)			500.000			500.000		500.000
1.3. Phòng Văn hoá - Xã hội: Kinh phí thi đua khen thưởng ngành giáo dục			540.000			540.000		540.000
1.4. Kinh phí hỗ trợ mua sắm tài sản, tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học			309.100			309.100		309.100
1.5. Kinh phí chi trả chế độ phụ cấp ưu đãi giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hoà nhập theo Nghị định số 28/2012/NĐ-CP			1.731.270			1.731.270		1.731.270

Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Biên chế kế có mặt	Dự toán năm 2026	Trong đó				
				Chi cho con người	Quỹ tiền thưởng (Nghị định 73/2024/NĐ-CP)	Chi cho công việc		
						Tổng số	Chi định mức	Chi đặc thù, công việc
1.6. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập theo Nghị quyết số 106/2021/NQ-HĐND			206.000			206.000		206.000
1.7. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho giáo viên và nhân viên làm việc liên trường hoặc nhiều điểm trường theo Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND			31.500			31.500		31.500
1.8. Kinh phí Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP			7.565.000			7.565.000		7.565.000
1.9. Chính sách phát triển giáo dục mầm non. Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo			87.000			87.000		87.000
1.10. Kinh phí chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật			91.000			91.000		91.000
V. Chi bảo đảm xã hội			13.180.400	389.400	0	12.791.000	0	12.791.000
1. Phòng Văn hoá - Xã hội			13.130.400	389.400		12.741.000	0	12.741.000
+ Thu gom đối tượng lang thang và chi phí phục vụ đối tượng bảo trợ xã hội (xét duyệt hồ sơ; phí dịch vụ chi trả tiền trợ cấp, tuyên truyền...)			150.000	0		150.000	0	150.000
+ Tết, lễ cho ĐTCS; Cứu trợ xã hội và các hoạt động đảm bảo xã hội khác			100.000			100.000		100.000
+ Kinh phí phục vụ công tác lao động việc làm			90.000	0		90.000	0	90.000

Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Biên chế kế có mặt	Dự toán năm 2026	Chi cho con người	Quỹ tiền thưởng (Nghị định 73/2024/NĐ-CP)	Trong đó		
						Chi cho công việc		
						Tổng số	Chi định mức	Chi đặc thù, công việc
+ Chương trình trẻ em			60.000	0		60.000	0	60.000
+ Phòng chống tệ nạn xã hội			20.000			20.000		20.000
+ Trợ cấp cán bộ xã nghỉ việc (hưu xã)		9	389.400	389.400		0		
+ Kinh phí giám định y khoa cho các đối tượng			99.000			99.000		99.000
+ Kinh phí chăm sóc nghĩa trang			100.000			100.000		100.000
+ Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách xã hội			115.000			115.000		115.000
+ Kinh phí trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng BTXH theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP, trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP (Bao gồm mai táng phí)			12.007.000			12.007.000		12.007.000
2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị: Kinh phí giảm nghèo			50.000			50.000		50.000
VI. Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình			11.566.000	0		11.566.000	0	11.566.000
1. Phòng Văn hoá - Xã hội			360.000	0	0	360.000	0	360.000
- Thực hiện các nhiệm vụ về y tế, phòng, chống dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm			280.000			280.000		280.000

Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Biên chế kế có mặt	Dự toán năm 2026	Trong đó				
				Chi cho con người	Quỹ tiền thưởng (Nghị định 73/2024/NĐ-CP)	Chi cho công việc		
						Tổng số	Chi định mức	Chi đặc thù, công việc
- Ban chỉ đạo công tác gia đình, Kinh phí ngày gia đình, Ngày hội gia đình tỉnh Quảng Trị..			80.000			80.000		80.000
2. Hỗ trợ kinh phí hoạt động Y tế, dân số và gia đình khác			81.000			81.000		81.000
3. Bảo hiểm xã hội cơ sở Đông Hà: Kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; học sinh, sinh viên, hộ nghèo, hộ cận nghèo...			11.125.000			11.125.000		11.125.000

DỰ TOÁN CHI QUỐC PHÒNG - AN NINH PHƯỜNG NĂM 2026

Biểu mẫu số: 03.4

(Kèm theo Báo cáo số 2725/BC-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của UBND phường Nam Đông Hà)

Đơn vị: *Ngàn đồng*

Đơn vị	Biên chế kế hoạch	Dự toán năm 2026	Trong đó			
			Chi cho con người	Chi cho công việc		
				Tổng số	Chi định mức	Chi công việc
A	1	2=3+4+5	3	4=5+6	5	6
Tổng số		1.570.000	0	1.570.000	0	1.570.000
I. Chi quốc phòng		785.000	0	785.000	0	785.000
1. Văn phòng HĐND&UBND phường		785.000	0	785.000	0	785.000
+ Chi hoạt động quốc phòng		785.000		785.000		785.000
II. Chi an ninh		785.000	0	785.000	0	785.000
1. Công an phường		200.000	0	200.000	0	200.000
+ Chi hoạt động an ninh (Bao gồm kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở)		200.000		200.000		200.000
2. Chi hoạt động an ninh (Bao gồm kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự cơ sở)		585.000		585.000		585.000

267

**DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ, CHUYÊN
ĐỔI SỐ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO NĂM 2026**

(Kèm theo Báo cáo số 2425 /BC-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2025
của UBND phường Nam Đông Hà)

ĐVT: Ngàn đồng

STT	Đơn vị	Dự toán năm 2026
A	B	C
	Tổng số	733.000
I	Chi sự nghiệp khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo	733.000
1	Văn phòng Đảng uỷ (Bao gồm Ban chỉ đạo Chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo)	70.000
2	Văn phòng HĐND và UBND (Bao gồm Ban chỉ đạo Chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo)	70.000
3	Ủy ban MTTQVN phường	50.000
4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (Bao gồm Duy trì hệ thống Hạ tầng truyền thông ngành Tài chính)	70.000
5	Trung tâm Phục vụ hành chính công (Bao gồm xây dựng công thông tin điện tử)	70.000
6	Phòng Văn hoá - Xã hội (Bao gồm KP Hội đồng KHCHN)	120.000
7	Hoạt động sự nghiệp khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo khác (Bao gồm mở các lớp tập huấn, ...)	283.000

DỰ TOÁN CHI KHÁC NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số ~~2125~~ 2125/BC-UBND ngày ~~23~~ 23 tháng 12 năm 2025
của UBND phường Nam Đông Hà)

Đơn vị: Ngân đồng

TT	Đơn vị	DT năm 2026
	Tổng số	2.400.000
1	Kinh phí tổ chức các sự kiện lớn trong năm; Kinh phí kỷ niệm các ngày lễ lớn và các nhiệm vụ khác	800.000
2	Kinh phí Đại hội thể dục thể thao	200.000
3	Kinh phí Bầu cử Đại biểu quốc hội và HĐND các cấp	500.000
4	Hỗ trợ công tác thu	150.000
5	Hỗ trợ trang bị máy móc thiết bị phục vụ công tác của các cơ quan hành chính, Đảng, Đoàn thể năm 2026	250.000
6	Hỗ trợ kinh phí vận hành trụ sở (hợp đồng bảo vệ, tạp vụ, lễ tân, công tác chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường..)	500.000
-	Văn phòng Đảng uỷ phường	250.000
-	Văn phòng HĐND và UBND phường	250.000

sat

DỰ TOÁN CHI TỪ NGUỒN TỈNH HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, NHIỆM VỤ, CHÍNH SÁCH THEO QUY ĐỊNH NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số ~~27~~²⁵/BC-UBND ngày ~~23~~²³ tháng ~~12~~¹² năm 2025 của UBND phường Nam Đông Hà)

ĐVT: Ngàn đồng

STT	Đơn vị	Dự toán năm 2026
I	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành	53.303.000
1	Kinh phí Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP	2.471.000
2	Chính sách phát triển giáo dục mầm non. Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo	50.000
3	Kinh phí chi trả học bổng và hỗ trợ mua phương tiện, đồ dùng học tập cho trẻ khuyết tật	52.000
4	Kinh phí hỗ trợ mua bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; học sinh, sinh viên, hộ nghèo, hộ cận nghèo...	6.347.000
5	Phòng Văn hoá - Xã hội: Kinh phí trợ cấp thường xuyên cho các đối tượng BTXH theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP, trợ cấp hưu trí xã hội theo Nghị định số 176/2025/NĐ-CP (Bao gồm mai tang phí)	12.219.000
6	Bảo hiểm xã hội cơ sở Đông Hà: Kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện	824.000
7	Phòng Văn hoá - Xã hội: Chính sách ưu đãi người có công	31.340.000
II	Kinh phí thực hiện các chính sách do địa phương ban hành	10.094.000
1	Phòng Văn hoá - Xã hội: Kinh phí hỗ trợ nhân viên y tế, cố đờ thôn bản	348.000
2	Kinh phí hỗ trợ người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố	1.853.000

STT	Đơn vị	Dự toán năm 2026
2.1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường	1.530.360
-	Hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố - Phó Trưởng ban công tác Mặt trận	182.520
-	Hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (Chi hội trưởng Hội nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội Người Cao tuổi)	1.347.840
2.2	Văn phòng Đảng uỷ phường: Hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố - Phó Bí thư chi bộ	200.772
2.3	Văn phòng HĐND và UBND phường: Hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố - Khu phố phó	121.868
3	Phòng Văn hoá - Xã hội: Chi thăm hỏi người có công, thân nhân người có công theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND	666.000
4	Kinh phí thực hiện Luật DQTV (phụ cấp + trợ cấp + ngày công huấn luyện)	2.269.000
-	Văn phòng HĐND&UBND phường	2.055.000
-	Cơ quan, tổ chức; đơn vị tự vệ	214.000
5	Văn phòng HĐND và UBND phường: Hỗ trợ lực lượng an ninh trật tự cơ sở (Phụ cấp hàng tháng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế)	2.499.000
6	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 35/2018/NQ-HĐND về hỗ trợ đóng BHXH, BHYT, BHTN cho hợp đồng lao động vị trí nấu ăn các trường mầm non công lập	192.000
7	Văn phòng Đảng uỷ: Kinh phí trợ cấp huy hiệu đảng	22.000
8	Văn phòng Đảng uỷ: Kinh phí khen thưởng huy hiệu đảng	1.764.000
9	Phòng Văn hoá - Xã hội: Chi thăm hỏi người nghèo theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND	146.000
10	Phòng Văn hoá - Xã hội: Kinh phí chúc thọ, mừng thọ Người Cao tuổi	335.000